

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể quốc gia "Nghề chằm nón ngựa Phú Gia" gắn với phát triển du lịch cộng đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 308/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Di sản văn hóa;

Căn cứ Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản dưới nước, di sản phi vật thể và các chính sách đối với nghệ nhân;

Căn cứ Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021–2030;

Căn cứ Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai thông qua Đề án phát triển du lịch tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025–2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể quốc gia "Nghề chằm nón ngựa Phú Gia" gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

Điều 2. Giao UBND xã Xuân An chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan triển khai thực hiện Đề án hiệu quả và đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Môi trường, Công thương, Tài chính, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành liên quan và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (thay báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Đảng ủy và UBND xã Xuân An;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, V1, V5, V8.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Thanh Lịch

**ĐỀ ÁN
BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ
QUỐC GIA “NGHỀ CHĂM NÓN NGỰA PHÚ GIA” GẮN VỚI PHÁT
TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Phần A. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

**I. KHÁI QUÁT VỀ DI SẢN, THỰC TRẠNG BẢO TỒN VÀ PHÁT
HUY GIÁ TRỊ DI SẢN**

1. Lịch sử hình thành và phát triển

Nghề chăm nón ngựa Phú Gia là nghề truyền thống của Làng nghề nón ngựa Phú Gia thuộc xã Xuân An, tỉnh Gia Lai đã có tuổi đời gần 300 năm. Nón ngựa Phú Gia lại biểu tượng cho sự mạnh mẽ, uy nghiêm của con nhà đất võ, gắn liền với đội quân Tây Sơn thần tốc. Gọi là nón ngựa bởi chiếc nón có được sự dẻo dai, bền bỉ thích hợp dùng đội, khi cưỡi ngựa. Thời xưa, nón chỉ dành riêng cho giới phong lưu, quyền quý, nhất là những chiếc nón ngựa có bịt bạc, chạm trổ hình rồng phượng trên đỉnh nón. Hình ảnh các lý trưởng, chánh tổng ngồi trên lưng ngựa, đội nón ngựa bịt bạc, đi trên các nẻo đường làng đã trở thành ký ức ở các làng quê Bình Định thời Phong Kiến.

Người dân Bình Định (trước đây) vốn rất tự hào về chiếc nón Ngựa nổi tiếng trong Nam ngoài Bắc, bởi xét trên bình diện lịch sử, từ thời Quang Trung, nón đã gắn liền với đội quân thần tốc Tây Sơn. Hiện nay, chiếc nón ngựa Phú Gia đã trở thành mặt hàng thủ công mỹ nghệ độc đáo với nguyên vẹn cốt cách ban đầu. Nếu như chiếc nón Bài Thơ của xứ Huế nổi tiếng với sự thanh lịch khi lồng trong lớp lá là hình ghép hoa lá cùng những câu thơ, câu văn thì nón ngựa Phú Gia là loại nón mang vẻ đẹp mạnh mẽ của con nhà đất võ, thường được thêu hoa văn theo các đề tài “long, lân, quy, phụng”; “lưỡng long tranh châu”; “mai, lan, cúc, trúc” hoặc cảnh vật trên nang sườn nón.

Kể từ khi Liên hoan Quốc tế Võ cổ truyền Việt Nam được tổ chức tại Bình Định lần đầu năm 2006, rất đông du khách trong và ngoài nước đã đến tìm hiểu làng nghề nón ngựa Phú Gia, hầu hết đều thích thú loại nón này và khen ngợi bàn tay tài hoa, khéo léo của người thợ làm nón ngựa. Từ đó, sản phẩm nón ngựa Phú Gia, như một tác phẩm nghệ thuật độc đáo, là di sản văn hóa trang phục Bình Định, đã được các du khách quốc tế đặt hàng, mang về nước làm kỷ niệm khi tới thăm vùng đất võ Bình Định. Làng nghề truyền thống nón ngựa Phú Gia, xã Xuân An hiện có khoảng 300 hộ tham gia sản xuất nón ngựa. Trong đó, có khoảng 260 hộ dân ở thôn Phú Gia; số còn lại trú ở các thôn Xuân Quang, Xuân An, Chánh Lạc, Kiều Đông và Tường Sơn tham gia làm một số công đoạn, sau đó bán thô cho các hộ gia đình chuyên làm

khâu hoa văn ở Phú Gia để hoàn thiện chiếc nón và cũng chỉ có một số gia đình có đủ khả năng đảm nhiệm tất cả các khâu từ đầu cho đến khi hoàn thành một chiếc nón ngựa. Sản phẩm nón ngựa Phú Gia đã đạt được nhiều giải thưởng quan trọng như:

- Năm 2010: nón ngựa Phú Gia được công nhận hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực miền Trung - Tây Nguyên;

- Năm 2012, nón ngựa Phú Gia là 1 trong 5 sản phẩm được UBND tỉnh chọn để hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm trong chương trình dự án khoa học và công nghệ hỗ trợ phát triển các sản phẩm đặc trưng tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2015.

- Năm 2014: đạt giải ba cấp tỉnh trong giải bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của tỉnh

- Năm 2015: đạt giải ba cuộc thi Thiết kế, chế tác sản phẩm thủ công mỹ nghệ phục vụ du lịch Bình Định lần thứ nhất do Sở Công Thương Bình Định tổ chức

- Năm 2016: tham gia cuộc thi bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh và được bình chọn là sản phẩm Công thôn tiêu biểu của tỉnh. Ngày 07/4/2016, tại Quyết định số 19090/QĐ-SHTT. Cục Sở hữu trí tuệ đã cấp giấy chứng nhận độc quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Nón ngựa Phú Gia” cho các sản phẩm nón được sản xuất tại thôn Phú Gia, xã Cát Tường, huyện Phù Cát. Chứng nhận này có hiệu lực trong 10 năm và UBND huyện Phù Cát là chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận “Nón ngựa Phú Gia” và Phòng KT&HT là cơ quan được UBND huyện ủy quyền quản lý nhãn hiệu chứng nhận và đăng ký xác lập quyền sở hữu đối với nhãn hiệu chứng nhận “Nón ngựa Phú Gia”.

- Năm 2024, Nghề chằm nón ngựa Phú Gia đã được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 956/QĐ-BVHTTDL, ban hành ngày 9 tháng 4 năm 2024.

2. Thực trạng làng nghề Nón ngựa Phú gia

2.1. Thực trạng sản xuất

a) Các sản phẩm làng nghề, gồm Nón ngựa truyền thống (nón cao cấp) và nón lạt:

- Nón ngựa truyền thống: Được chế tác công phu, giá từ 1.500.000 đồng/chiếc đến 6.000.000 đồng/chiếc. Những chiếc nón có chóp gắn chụp bạc hoặc đôi môi chạm trổ hoa văn như long, lân, quy, phụng có giá khoảng 8 triệu đồng/chiếc đến 10 triệu đồng/chiếc hoặc cao hơn tùy thuộc vào chất lượng chụp bạc. Các sản phẩm này hiện tại khách nước ngoài (Mỹ, Pháp, Thái Lan, Trung, Nhật, Hàn ... rất yêu thích sản phẩm nón ngựa, đặt mua gửi về nước họ để làm lưu niệm)

- Nón lạt (Không lợp lá): Thiết kế đơn giản hơn, giá từ 80.000 đến 150.000 đồng/chiếc, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường. Hiện tại ngoài thị trường tiêu thụ nội tỉnh phục vụ sinh hoạt hàng ngày của người dân, một phần lớn các sản phẩm này hiện đang được bán sỉ cho các bạn hàng ở Huế để phục vụ du lịch (sau khi được gia công thêm mỹ thuật).

b) Nguyên liệu:

Nguyên liệu dùng làm nón ngựa là cây giang làm sườn, lá kê (cọ) làm lá lợp nón; cây dừa (thơm tàu) thì chải ra làm chỉ.

- Cây Giang tươi (nguyên liệu làm sườn nón) hiện được các hộ dân mua tại nguồn trực tiếp tại vùng núi An Tượng (Vân Canh, An Nhơn, Tây Sơn) hoặc tại chợ nón Gò Găng.

- Lá kè (cọ mỡ) làm lá lợp nón, lá được sử dụng là lá tươi, không được quá già hoặc quá non. Hiện được các hộ dân mua trực tiếp tại huyện Vân Canh hoặc tại chợ nón Gò Găng.

- Rễ cây dừa rừng chải làm chỉ thêu: Rễ cây dừa được tước lấy phần tơ ngâm nước vài ba ngày cho nát phần thịt của lá, dùng bàn chải, chải lấy phần tơ, phơi khô dùng làm chỉ để chằm nón. Nguyên liệu chủ yếu được mua tại chợ nón Gò Găng.

- Chỉ thêu, vải the: được mua từ TP.HCM hoặc chợ nón Gò Găng. Hiện làng nghề đang dùng 1 số loại chỉ thêu và vải the, nguồn gốc từ Trung Quốc để sản xuất.

c) Dụng cụ để sản xuất:

Gồm lồng tre (để sấy khô lá kè), kéo chuyên dụng (cắt lá kè), dao vuốt (chẻ) nang sườn, bàn chốt nang (có những lỗ tròn nhiều kích cỡ khác nhau để tước nang tròn đều), kim chuyên dụng chằm nón, và khuôn nón mẫu. Hiện tại tại Làng nghề chưa có các dụng cụ, thiết bị máy móc hỗ trợ sản xuất.

d) Các công đoạn sản xuất:

Sau khi đã có đủ nguyên liệu làm nón, người thợ bắt tay vào việc đầu tiên đó là đan sườn mê. Nguyên liệu làm mê là giang tươi, chẻ thẻ, phơi khô, ngâm vào nước cho thấm mềm sau đó tước nhỏ thành sợi mỏng như sợi cước. Cách thức đan theo kiểu đan giỏ, các lỗ nang có hình lục giác tạo thành một miếng mê lớn.

Hoàn thành công đoạn đan mê, người thợ thực hiện bước tiếp theo là rập khuôn sườn, thắt nang sườn. Để thắt nang sườn, người làm nón đặt miếng mê lên khuôn có mẫu, cách này gọi là rập khuôn sườn, dùng tay vuốt sao cho tấm mê thành hình chiếc nón. Khâu vành nang cuối cùng để tạo hình sườn nón, sau đó lấy sườn mê ra khỏi khung, dùng các cây nang chẻ nhỏ chuốt đều, kích cỡ như sợi tầm, xếp dựng xung quanh sườn mê, thắt kín mặt trong chiếc nón từ vành lên chóp nón. Dùng chỉ khâu sườn đứng và sườn ngang vừa xếp vào mê nón. Hai công đoạn làm mê và thắt nang sườn phải do những người thợ chuyên nghiệp thực hiện.

Ở công đoạn tiếp theo nghệ nhân tiến hành dọn vành, tia chóp, thắt chóp. Dọn vành hay còn gọi là vào vành, kết vành vào nón. Nguyên liệu dùng để làm vành là rễ dừa rừng được chuốt láng bằng mút dừa. Vành kết vào bên trong nón với 3 chiếc được chia tương đối đều nhau từ trên xuống dưới, dưới cùng là chiếc vành chịu lực, vành ở giữa dùng để kết quai. Sau khi vào vành, khâu tiếp theo là tia chóp, nghĩa là người thợ dùng kéo tia bỏ bớt phần nang sườn trên đỉnh chóp để khi thắt chóp được dễ dàng hơn, chóp nón trông sẽ được mảnh mai, sắc sảo hơn. Việc thắt chóp trong công đoạn này là một khâu khá công phu. Nang để thắt chóp được làm bằng cây nang. Người thợ dùng bàn chuốt nang với những lỗ tròn nhiều kích cỡ khác nhau để chuốt nang tròn đều. Sau đó uốn nang đã chuốt thành ba vòng tròn từ lớn đến nhỏ, thường chúng có đường kính từ 2 đến 3cm, ba vòng này người ta gọi là chúm nón, để giữ chúm vào chóp nón, ngoài việc điều chỉnh sao cho chúng có kích thước vừa vặn với chóp nón thì người ta còn dùng chỉ để cố định chúng vào chóp nón.

Tiếp đến, nghệ nhân dùng chỉ ngũ sắc bắt đầu việc thêu hoa văn lên sườn nón, với những mẫu hoa văn có sẵn như: Long lân quy phụng, lưỡng long tranh châu, Mai lan trúc cúc, bài thơ, câu đối hoặc những cảnh vật, hoa lá...

Các công đoạn làm nón thực sự không phải là đơn giản; lá kè sau khi thu hoạch phải được tước và vuốt thành phẩm. Đây được coi là một công đoạn mất khá nhiều thời gian và đòi hỏi sự khéo léo, thành thực của người làm nón. Lá tươi được rọc bỏ phần sống, mở lá từ đầu cho đến cuốn lá, trải qua một quá trình phơi nắng, phơi sương rồi phủ trên lòng tre, sấy khô bằng than lửa, sau đó người thợ dùng lưỡi cày cũ hay một miếng gang nóng, đặt trên nồi than lửa nóng đỏ, dùng cục vải nhỏ độn giống như củ hành tây, người đề và kéo lá nón thẳng như một tờ giấy dài màu trắng, có nổi lên những đường gân lá nhỏ, lựa những lá đẹp để làm thành nón.

Lá sau khi đã được vuốt thẳng, dùng kéo chuyên dụng có bản mỏng, lưỡi dài để cắt nhỏ lá ra từng mảnh theo chiều dọc, mỗi mảnh có chiều rộng từ một phân. Đây được gọi là công đoạn rọc lá. Rọc lá là công đoạn cuối cùng trong việc chế biến từ lá kè thô sau khi thu hoạch đến khi thành phẩm để đưa vào sử dụng.

Tiếp theo, nghệ nhân dùng từ 8 đến 10 miếng lá, để làm can ốc (xoáy ốc) cho nón. Can ốc được kết thành hình chóp nhỏ, có chiều cao từ 3 đến 4cm và đường kính từ 4 đến 5cm. Can ốc được đặt bên ngoài và kết vào sườn nón.

Nón đã được đặt can ốc, công đoạn kế tiếp là bủa lá. Lá kè sau khi rọc với một kích thước nhất định, một đầu dùng kim chỉ xuyên qua từng miếng lá, đầu còn lại xòe ra theo hình rẽ quạt, lá này cách lá kia 2 ly hẹp về phía đỉnh, phủ đều từ gần chóp đến nang sườn cuối cùng, bủa lại quay quanh chóp nón, sau đó trải đều xung quanh mặt nón và dùng chỉ khâu định vị tạm thời quanh chân nón.

Bủa lá xong sẽ bắt đầu cho công đoạn thành phẩm. Công đoạn này tưởng như đơn giản hơn cả nên các em nhỏ 10 tuổi đã có thể làm được và làm thành thạo. Tuy nhiên để có một chiếc nón đẹp theo như ý muốn, việc chằm nón phải được chú ý đến từng đường kim mũi chỉ phải thật khéo, để lá kết chằm vào sườn không bị nghinh, bị lật mà trông nón vẫn thanh, vẫn mỏng.

Chằm nón là kết nón vào sườn mê. Yêu cầu chằm những mũi nhỏ li ti. Tính từ dưới lên trên chóp trước đây thường phải đủ 30 đường chằm. Vì chỉ chằm dưới mí lá nên nhìn bề ngoài không thấy đường chằm. Mỗi chỉ ở lá đầu được lá thứ hai che và cứ thế cho đến dải lá cuối cùng. Người chằm kỹ tính, trước khi lợp lá phải tết một lớp lưới sườn toàn bằng chỉ thơm tàu. Sau khi hoàn tất công đoạn này, cầm chiếc nón nhìn kỹ vẫn không tìm ra mũi chỉ.

Công đoạn cuối cùng trong quy trình làm nón bao gồm các khâu nức nón, mạn nón, kết sò, lật mối. Nón sau khi đã được lợp lá chằm chỉ sẽ được nức nón (nức vành). Vành dùng để nức làm bằng rễ dừa thường có hai chiếc, một nhỏ một lớn, nhưng bao giờ cũng nhỏ hơn vành được kết bên trong của nón. Nức vành thực sự là công đoạn kết hai vành còn lại vào bên ngoài lá nón, vành nhỏ nằm bên trên và lọt giữa vào khoảng trong của vành lá lớn với mặt ngoài của nón. Cả hai được cố định với vành cuối cùng phía bên trong nón. Để làm tròn nón, người thợ dùng miếng lá có đủ độ rộng, phía trên là một miếng vải màu, sau đặt một vòng nhỏ uốn cong bằng sợi giang có đường kính từ 2 đến 2,5cm, dùng chỉ màu khâu cố định giữa chúng lại với nhau bằng những mẫu hình khối, cắt lấy tròn nón đặt vào vị trí phía trên chòm nón. Sò nón được làm từ rễ dừa rừng, chuốt láng với nhiều kích cỡ, màu sắc khác nhau, được kết vào bên trong chóp nón, chúng đan sít vào nhau và nhỏ dần cho đến đỉnh nón. Trước đây, vành và sò phải được gắn kết vào sườn bằng sợi thơm tàu thắt đều và đẹp từng mũi chỉ. Người làm vành, làm sò phải có tay nghề cao mới chuốt và giấu được mối chấp của chiếc vành, chiếc sò. Ngày trước để tăng độ thẩm mỹ,

người làm nón thường ngâm vành và sò vào nước nghệ tươi để có màu vàng tăng tính thẩm mỹ cho chiếc nón. Bây giờ làng nghề Phú Gia có thể thay thế bằng dung dịch phẩm màu, do đó những cây sò, cây vành có màu sắc trông rất bắt mắt. Người làm nón dùng kéo cắt bỏ những mối chỉ thừa để hoàn chỉnh việc lật mối.

Đến đây việc làm một chiếc nón ngựa là tương đối hoàn tất, tuy nhiên khi đến tay người sử dụng, để nón được giữ trên đầu khi đội, người làm nón không quên kết quai vào nón. Quai nón to và dày, bằng vải nhung hay vải the. Cách buộc quai cũng khác với cách buộc quai của các nón hiện nay, chúng được cố định hai bên, còn người dùng nón ngựa Phú Gia thường dùng dải nón dài độ 1,2m, quàng qua hai quai và thắt một lần ở dưới cằm, phần thừa thả đong đưa. Có thể quai nón dễ điều chỉnh nhất khi cưỡi ngựa.

Ngày xưa, từ viên xã trưởng trở lên mới có chup bằng đồng hay bạc. Chup được chạm trổ theo phẩm trật. Trên đỉnh là núm hình quả trám. Tất cả đều có quy ước sẵn. Trông thầy Chánh, cụ Lý cưỡi ngựa đội nón chup bạc thật là oai. Dân làng ngại cái uy của các thầy nên mới có bài đồng dao hát vòng tròn hóm hỉnh:

Thầy Chánh, nón chup bạc, áo tam giang.

Cưỡi ngựa qua làng con gái chạy te...

Ngày nay nón đề trần, trên đỉnh có chùm chỉ ngũ sắc phát phơ. Nón sẽ được gia công thêm nếu khách có yêu cầu như để mặt lá nón được láng bóng, không bị thấm nước qua các lỗ kim khi gặp lúc trời mưa, người làm nón thường quét lên đó một lớp mỏng sơn dầu trong suốt hoặc bọc nhựa nón sẽ bền và trông đẹp hơn.

e) Các đối tượng tham gia chuỗi sản xuất:

Trên địa bàn làng nghề có khoảng 300 hộ tham gia sản xuất nón ngựa. Trong đó, có khoảng 260 hộ dân ở thôn Phú Gia; số còn lại trú ở các thôn Xuân Quang, Xuân An, Chánh Lạc, Kiều Đông và Tường Sơn tham gia làm một số công đoạn, sau đó bán thô cho các hộ gia đình chuyên làm khâu hoa văn ở Phú Gia để hoàn thiện chiếc nón và cũng chỉ có một số ít gia đình trong đó đủ khả năng đảm nhiệm tất cả các khâu từ đầu cho đến khi hoàn thành một chiếc nón ngựa. Để làm được một chiếc nón ngựa truyền thống người thợ phải thực hiện rất nhiều công đoạn và giờ đây đã có những hộ gia đình làm theo hình thức chuyên môn hóa nhất định. Họ là những nghệ nhân có nhiều năm trong nghề. Đa phần những nghệ nhân làm nón ở Phú Gia đều có tâm huyết với nghề truyền thống quê mình có sự liên kết gắn bó máu thịt với những người con ở thôn Phú Gia. Những nghệ nhân đã bước sang tuổi 80 nhưng hàng ngày vẫn gắn bó với công việc chăm nón ngựa như cụ Đoàn Thị Châu, Đỗ Thị Nga., bản thân họ vừa là nghệ nhân vừa là truyền nhân cho các thế hệ con cháu mai sau.

Hiện làng nghề có 01 nghệ nhân được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân Ưu tú” (nghệ nhân Đỗ Văn Lan, tại Quyết định số 914-QĐ-CTN ngày 27/5/2025 của Chủ tịch nước).

Về lao động đang làm nghề: Về giới tính, cả nam và nữ ở Phú Gia đều tham gia vào quá trình sản xuất nón ngựa. Tuy nhiên, phụ nữ thường đảm nhiệm các công đoạn tỉ mỉ như chăm nón và thêu hoa văn, trong khi nam giới thường phụ trách các công đoạn yêu cầu sức mạnh như chẻ tre và tạo khung nón. Về độ tuổi: Độ tuổi có thể bắt đầu học để tham gia làm nghề bắt đầu khoảng từ lớp 6 (12 tuổi), độ tuổi chính làm nghề hiệu quả cao từ 35-45 tuổi. Tuy nhiên đa phần lao động đang làm nghề chỉ

xác định công việc làm nón là nghề phụ, bổ sung kinh tế cho gia đình, chưa phải là nguồn thu nhập chính.

2.2. Đào tạo nghề

Hiện tại, việc đào tạo, truyền nghề chủ yếu do các gia đình tự truyền nghề cho con cháu, chưa có các khóa đào tạo nghề do nhà nước hỗ trợ, số lượng người tham gia học nghề làm nón ngày càng ít, do thu nhập từ nghề làm nón thấp hơn nhiều so với các nghề lao động phổ thông khác.

2.3. Tình hình hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm làng nghề

- Tình hình hợp tác, liên kết sản xuất: Hiện tại việc sản xuất vẫn ở dạng đơn lẻ, hộ gia đình, chưa hình thành chuỗi liên kết, hợp tác sản xuất. Các hộ sản xuất vẫn chủ động sản xuất và tiêu thụ thông qua các bạn hàng riêng lẻ.

- Tiêu thụ sản phẩm: Sản phẩm không chỉ tiêu thụ trong nước mà còn được du khách quốc tế ưa chuộng, thường mua làm quà lưu niệm khi đến thăm Gia Lai. Mỗi phiên chợ (5 ngày/phiên), làng nghề xuất bán gần 1.000 chiếc nón ngựa, với giá dao động từ 200.000 đến 500.000 đồng cho nón truyền thống và trung bình khoảng 500.000 đồng đến 2.500.000 triệu đồng cho loại nón cao cấp có chóp nón gắn chụp bạc hoặc đòi mỗi trạm trở. Tuy nhiên, đa phần các hộ dân chủ yếu sản xuất các loại nón lá thông thường để bán tại chợ hoặc thông qua các thương lái đặt hàng, trong đó chủ yếu là thị trường Huế để gia công thành nón phục vụ du lịch. Chỉ có một số nghệ nhân có tay nghề cao, tên tuổi sản xuất các loại nón truyền thống, giá trị cao thông qua các chương trình hỗ trợ của nhà nước, các công ty du lịch đặt hàng làm quà tặng cho khách du lịch quốc tế hoặc đối tác, số lượng còn rất hạn chế.

2.4. Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm làng nghề

- Về sản xuất: Hiện vẫn chủ yếu làm thủ công ở tất cả các công đoạn.

- Quảng bá, tiêu thụ sản phẩm: Chủ yếu là thông qua mối bạn hàng quen, hoặc bán ngoài chợ (chợ Phú Gia và chợ Gò Găng). Trong những năm gần đây, được sự hỗ trợ của nhà nước cũng như các tổ chức, doanh nghiệp du lịch trong quảng bá, truyền thông (Qua các hội chợ, các chương trình sự kiện của Tỉnh, các đài truyền hình...), nón ngựa Phú Gia đã được biết đến một cách rộng rãi. Tuy nhiên, hiện ứng dụng khoa học, chuyển đổi số trong quảng bá, tiêu thụ sản phẩm còn rất hạn chế. Chưa có kênh quảng bá số riêng (Youtube, TikTok..., sàn thương mại điện tử...).

2.5. Thực trạng cơ sở vật chất, nguồn nguyên liệu, đất đai, môi trường

- Về cơ sở vật chất phục vụ sản xuất: Hiện các hộ dân chủ động sản xuất trong khuôn viên đất của hộ gia đình. Trung bình diện tích mỗi hộ để ở và vườn tại thôn khoảng 1.200 m²/hộ (dao động từ 500-3000 m²/hộ) hiện đủ điều kiện để sản xuất.

- Về nguyên liệu và quỹ đất có khả năng phát triển vùng nguyên liệu tại chỗ. Hiện chưa hình thành vùng sản xuất nguyên liệu tại địa phương. Nguyên liệu chủ yếu được thu mua từ nơi khác. Qua khảo sát, hiện tại các hộ dân đang sản xuất nón ngựa đều có quỹ đất vườn rộng, có khả năng để hình thành vùng trồng nguyên liệu chính (cây giang, cây cọ mỡ...) tại vườn. Hiện tại có một số ít hộ đang thử nghiệm trồng các cây nguyên liệu chính tại vườn (Cây Giang và cây Kè mỡ) bước đầu cho thấy các loại cây này phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng tại địa phương, cần xem xét nghiên cứu nhân rộng tạo vùng nguyên liệu tại chỗ phục vụ sản xuất, đồng thời tạo cảnh quan đẹp cho làng nghề phục vụ du lịch.

Thị trường tiêu thụ:

+ Thị trường nội tỉnh: Chủ yếu bán các sản phẩm nón lá phục vụ sinh hoạt của người dân tại Chợ nón Gò Găng, chợ Phú Gia, số lượng tiêu thụ còn hạn chế.

+ Thị trường ngoại tỉnh: Chủ yếu bán sỉ các loại nón lá cho thị trường Huế, các thương lái sau khi đặt hàng sẽ gia công thêm (vẽ, thêu, lấy thương hiệu nón Bài thơ) bán cho khách du lịch.

+ Thị trường nước ngoài: Các sản phẩm này hiện tại khách nước ngoài (Mỹ, Pháp, Thái Lan, Trung, Nhật, Hàn ... rất yêu thích sản phẩm nón ngà, đặt mua gửi về nước họ để làm lưu niệm. Thông qua các kênh đặt hàng của Chính quyền địa phương (Tỉnh, huyện...) làm quà tặng, hoặc thông qua các đơn vị dịch vụ du lịch. Số lượng rất ít.

- Về thực trạng môi trường làng nghề: Hoạt động của làng nghề không phát sinh nước thải; nước thải chủ yếu là nước mưa chảy tràn được các hộ dân thu gom dẫn ra hệ thống mương thoát nước dọc đường đi trước khi chảy ra mương, suối...; nước thải sinh hoạt được các hộ dân thu gom và xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn. Chất thải rắn chủ yếu là xơ nang, lá nón hỏng, trung bình khoảng 2Kg/ ngày, hiện đang được ban Quản lý xã Phú Cát tiến hành thu gom và xử lý hàng tuần. Làng nghề đã được UBND xã Cát Tường (trước đây) xây dựng Phương án bảo vệ môi trường và hiện đang tiếp tục được thực hiện (trang bị hệ thống thùng rác phân loại, hạn chế rác thải nhựa, xây dựng mô hình làng nghề sạch, đẹp...). Hiện nay, tiếp tục thực hiện công tác truyền truyền, vận động nhân dân chấp hành các quy định về bảo vệ, xây dựng môi trường làng nghề sáng, xanh, sạch đẹp, bảo đảm các quy định về môi trường cũng như tạo cảnh quan phục vụ du lịch cộng đồng.

2.6. Thực trạng kết cấu hạ tầng và khai thác du lịch

Thực trạng kết cấu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất, gắn với phát triển dịch vụ, du lịch:

- Mặc dù đã tham gia các chương trình thí điểm phát triển du lịch làng nghề truyền thống của tỉnh thu hút hơn 6.200 lượt khách từ năm 2019, hoạt động du lịch tại Phú Gia vẫn ở trạng thái tự phát, chưa đem lại hiệu quả kinh tế rõ rệt cho cộng đồng do thiếu chuỗi dịch vụ hỗ trợ thương mại.

- Về cơ sở vật chất phục vụ dân sinh và du lịch: Hiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội của làng nghề còn giản đơn, chưa đáp ứng hạ tầng phục vụ phát triển du lịch.

- Về cơ sở hạ tầng làng nghề: Năm 2010, làng nghề được UBND tỉnh hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà trưng bày sản phẩm làng nghề (quy mô công trình cấp 4, diện tích khoảng 60 m², tuy nhiên qua nhiều năm công trình đã hư hỏng không sử dụng.

- Về cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch: Giao thông tiếp cận đến làng nghề Phú Gia hiện nay đang là điểm yếu, đặc biệt là tuyến giao thông nhỏ, chật hẹp, khó khăn cho xe lớn, xe có khách du lịch đi theo đoàn lớn (từ 30 người trở lên); không có không gian bãi đỗ xe đạt chuẩn cho các đoàn khách lữ hành quy mô lớn. Hệ thống quảng bá số, thương mại điện tử chưa được tiếp cận ứng dụng. Đồng thời tại làng nghề chưa có các cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch, các điểm thăm quan và dịch vụ cho khách du lịch. Phần lớn khách du lịch chỉ ghé thăm quan một số ít cơ sở của các nghệ nhân, tuy nhiên tại đây chưa có khu trung tâm trình diễn, trưng bày chung của làng nghề.

2.7. Hiện trạng công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản

Hiện nay, mặc dù giá trị di sản của nón ngựa Phú Gia rất lớn, nhưng chuỗi giá trị kinh tế thực tế của làng nghề lại đang chịu những khó khăn nhất định. Làng nghề Nón ngựa Phú Gia có khoảng 300 hộ làm nón, sản xuất khoảng 60.000 chiếc nón thông thường mỗi năm. Tuy nhiên, các hộ dân chủ yếu bán sỉ dòng sản phẩm này cho thương lái với mức giá rất thấp từ 70.000 đến 150.000 VNĐ/chiếc. Đối với dòng nón ngựa truyền thống cao cấp, sản lượng tiêu thụ hàng năm rất thấp, chỉ khoảng 130 chiếc/năm do giá thành chế tác thủ công cao (1,5 triệu đến 6 triệu VNĐ/chiếc, loại đặc biệt bịt chụp bạc lên tới 8 triệu - 10 triệu VNĐ/chiếc) và thiếu thị trường tiêu thụ trực tiếp. Toàn làng nghề hiện nay chỉ còn lại rất ít nghệ nhân có đủ khả năng đảm nhiệm toàn bộ 10 công đoạn chế tác phức tạp, tiêu biểu như Nghệ nhân Ưu tú Đỗ Văn Lan (được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu năm 2025), cụ Đoàn Thị Châu, bà Hà Thị Thu, bà Trần Thị Kéo và cụ Đỗ Thị Nga. Phần lớn các nghệ nhân đều đã bước sang tuổi 80, trong khi thế hệ trẻ tại địa phương ít hứng thú tiếp nối nghề do hiệu quả kinh tế quá thấp.

Thêm vào đó, nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất hiện đang phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn cung bên ngoài. Gần đây, sự xuất hiện của một số loại chỉ thêu, vải the giá rẻ nhập khẩu từ Trung Quốc đang dần thay thế các sợi tơ dứa rừng truyền thống, đe dọa trực tiếp đến tính nguyên bản và độ bền tự nhiên vốn có của di sản.

Tất cả những thực trạng đó dẫn đến nguy cơ mai một di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc cấp quốc gia.

II. SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết

Làng nghề nón ngựa Phú Gia thuộc xã Xuân An, tỉnh Gia Lai, là một trong những trung tâm lưu giữ di sản văn hóa thủ công đặc sắc với bề dày lịch sử gần 300 năm. Chiếc nón ngựa Phú Gia được xem là một "kiệt tác" nghệ thuật độc đáo về văn hóa trang phục, biểu tượng cho sự uy nghiêm, mạnh mẽ của con nhà võ gắn liền với lịch sử nghĩa quân Tây Sơn thần tốc. Năm 2024, “Nghề chằm nón ngựa Phú Gia” đã chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi danh vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Trong bối cảnh không gian du lịch của tỉnh Gia Lai được mở rộng toàn diện từ biển đảo phía Đông đến đại ngàn phía Tây sau khi hợp nhất đơn vị hành chính cấp tỉnh, việc phát triển các mô hình du lịch cộng đồng, du lịch di sản sinh thái nông thôn gắn với các làng nghề truyền thống là hướng đi tất yếu. Đề án được ban hành nhằm khắc phục triệt để các hạn chế hiện tại như sản xuất manh mún, thiếu liên kết chuỗi, thu nhập lao động thấp, nguy cơ thất truyền kỹ nghệ cổ; đồng thời chủ động xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng thiết chế văn hóa, kết nối tuyến điểm để đưa làng nghề nón ngựa Phú Gia trở thành một điểm nhấn độc đáo, thu hút khách du lịch trong và ngoài nước, đặc biệt trong sự kiện Năm Du lịch quốc gia - Gia Lai 2026.

2. Căn cứ xây dựng đề án

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14;
- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15;
- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;
- Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;
- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;
- Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030;
- Nghị định số 308/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa;
- Nghị định số 215/2025/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 04/08/2025, quy định chi tiết các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản dưới nước, di sản phi vật thể, cùng các chính sách đãi ngộ cụ thể đối với nghệ nhân;
- Nghị định số 93/2023/NĐ-CP ngày 25/12/2023 của Chính phủ, quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai thông qua Đề án phát triển du lịch tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Kế hoạch số 1159/KH-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về thực hiện Đề án Phát triển du lịch tỉnh Gia Lai năm 2026;
- Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai quy định một số nội dung, mức chi hỗ trợ làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026-2030;
- Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 01/6/2026 của UBND tỉnh về việc công nhận “Làng nghề truyền thống Nón ngựa Phú Gia”, thôn Phú Gia, xã Xuân An, tỉnh Gia Lai;
- Công văn số 4931/UBND-KGVX ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc xây dựng và phát triển mô hình du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh;
- Công văn số 6875/UBND-KGVX ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phát triển du lịch làng nghề Nón ngựa Phú Gia.

Phần B. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

- 1. Phạm vi thực hiện:** Thôn Phú Gia và một phần các thôn Kiều Đông, Xuân Quang thuộc xã Xuân An, tỉnh Gia Lai, với diện tích khoảng 100 ha.
- 2. Đối tượng thực hiện:** Cộng đồng dân cư, nghệ nhân, hộ sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản, phát triển làng nghề và du lịch cộng đồng; các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- 3. Thời gian thực hiện:** Từ năm 2026 đến năm 2030.

II. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

1. Quan điểm

- Bảo tồn là mục tiêu cốt lõi, du lịch là động lực để phát huy giá trị di sản.
- Lấy cộng đồng dân cư và nghệ nhân làm chủ thể của quá trình bảo tồn và khai thác giá trị di sản.
- Bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế, nâng cao đời sống người dân với gìn giữ tính nguyên gốc, tính xác thực của nghề truyền thống.
- Thực hiện trên cơ sở kế thừa nội dung Đề án cũ và điều chỉnh phù hợp với thực tế địa phương.

2. Mục tiêu chủ yếu đến năm 2030

2.1. Về bảo tồn

- Duy trì và phát triển đội ngũ nghệ nhân;
- Tổ chức 2 đến 3 lớp truyền nghề định kỳ hàng năm;
- 100% cơ sở dữ liệu về nghề làm Nón ngựa Phú Gia được số hoá để nghiên cứu, phát huy, truyền dạy.
- Phân đầu có thêm 2 đến 3 nghệ nhân ưu tú được phong tặng.

2.2. Về sản xuất

Ổn định và phát triển số lượng hộ tham gia sản xuất nghề truyền thống; đa dạng hóa sản phẩm làng nghề theo 3 dòng sản phẩm: dòng di sản, dòng đương đại và dòng lưu niệm.

2.3. Về du lịch

Phân đầu đạt từ 8.000 đến 10.000 lượt khách tham quan/năm; doanh thu từ du lịch và dịch vụ gắn với làng nghề tăng 10% mỗi năm.

2.4. Về kinh tế số

Phân đầu 100% các hộ/HTX tham gia được tập huấn về thương mại điện tử và quảng bá số.

2.5. Về dịch vụ cộng đồng

Có ít nhất 10-15 hộ dân tham gia cung cấp dịch vụ du lịch cộng đồng (homestay, trải nghiệm).

2.6. Về Hạ tầng và thiết chế

- Đến năm 2027: Hoàn thành nâng cấp hệ thống giao thông kết nối ĐH20 với QL19B.
- Đến năm 2030: Hoàn thành Trung tâm văn hóa làng nghề (Bảo tàng, nhà trưng bày, quảng trường, khu trình diễn, bãi đỗ xe, tiện ích công cộng...).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản

- Công nhận ngày truyền thống của Làng nghề; Tổ chức Lễ hội làng nghề nhằm phát triển du lịch, quảng bá và kinh doanh sản phẩm làng nghề.
- Tập trung tư liệu hóa, số hóa di sản nghề chằm nón ngựa.
- Tôn vinh, hỗ trợ nghệ nhân và tổ chức truyền dạy nghề cho thế hệ trẻ.
- Xây dựng sản phẩm du lịch trải nghiệm dựa trên giá trị cốt lõi, tránh hình thức hóa việc trình diễn.
- Liên kết làng nghề với các di sản khác (Võ cổ truyền, Bài chòi...) để tạo chuỗi sản phẩm đặc sắc.

2. Đầu tư hạ tầng và tổ chức khai thác

Từng bước triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông kết nối (từ Quốc lộ 19B qua làng nghề đến ĐH.20) và hạ tầng khu trung tâm văn hóa làng nghề nón ngựa Phú Gia, xã Xuân An, như: bảo tàng làng nghề kết hợp trưng bày, giới thiệu sản phẩm làng nghề; bãi đỗ xe tập trung phục vụ đậu đỗ xe của du khách, cổng chào biểu tượng tại các nút giao lộ lớn, trang bị đồng bộ các tiện ích biển chỉ dẫn và hệ thống thùng rác thu gom chất thải đảm bảo tiêu chuẩn môi trường xanh, sạch, v.v...

3. Phát triển sản phẩm du lịch và sản xuất

- Phát triển hệ thống sản phẩm đặc trưng: Tham quan không gian làng nghề; Trải nghiệm chế tác; Giao lưu nghệ nhân; Sản phẩm giáo dục trải nghiệm cho học sinh; Quà lưu niệm thủ công...

- Hoàn thiện Tour du lịch “Một ngày làm nghệ nhân nón ngựa Phú Gia” theo hướng chuyên nghiệp. Nghiên cứu xây dựng thêm các sản phẩm du lịch khác gắn với du lịch Làng nghề với các điểm du lịch khác trên địa bàn xã và trong tỉnh.

- Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến trong các công đoạn thô (chẻ tre, chuốt nang, ép lá) để nâng cao năng suất và hạ giá thành sản phẩm.

- Đa dạng hóa và đổi mới Sản phẩm: Xây dựng chiến lược sản phẩm ba cấp độ để đáp ứng các phân khúc thị trường khác nhau gồm: **Dòng Di sản** là những chiếc nón ngựa truyền thống, chế tác thủ công tinh xảo ở mức độ cao nhất, nhắm đến thị trường sưu tầm, quà tặng cao cấp và các nghi lễ văn hóa; **Dòng Đương đại**, phát triển các mẫu nón "cách tân", có kiểu dáng thời trang, màu sắc phong phú, phù hợp với thị hiếu của khách du lịch và thị trường thời trang ứng dụng và **Dòng Lưu niệm** gồm các sản phẩm nhỏ gọn, giá cả phải chăng, lấy cảm hứng từ họa tiết và hình dáng của nón ngựa (ví dụ: mô hình nón thu nhỏ, móc khóa, đồ trang trí) để phục vụ thị trường du lịch đại chúng.

- Hình thành vùng nguyên liệu tại chỗ thông qua việc trồng xen canh cây giang, cây kê mờ, cây dứa trong vườn các hộ dân.

4. Quảng bá và chuyển đổi số

- Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu du lịch làng nghề.
- Phát triển các sản phẩm truyền thông số (video, hình ảnh) quảng bá trên mạng xã hội và các kênh thông tin du lịch chính thức của tỉnh.
- Đào tạo kỹ năng Digital Marketing và thương mại điện tử cho người dân.

5. Đẩy mạnh kết nối, phát triển du lịch làng nghề

- Hợp tác liên kết lữ hành: Hiệp Hội Du lịch chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các công ty lữ hành, đơn vị kinh doanh du lịch uy tín trong và ngoài tỉnh đưa sản phẩm du lịch làng nghề nón ngựa Phú Gia vào hệ thống các tour, tuyến trải nghiệm di sản văn hóa trọng điểm của tỉnh, trở thành điểm dừng chân cố định trên trục hành lang kinh tế - du lịch trọng điểm "Biển Quy Nhơn - Cao nguyên Pleiku".

- Xây dựng cấu trúc tour trải nghiệm đặc thù: Chuẩn hóa hành trình tour trải nghiệm mang bản sắc độc bản gồm: tham quan không gian làng nón; thực hành các công đoạn thô và thêu chỉ ngũ sắc lên sườn nón dưới sự hướng dẫn của các nghệ nhân; tổ chức không gian tọa đàm giao lưu, chia sẻ câu chuyện lịch sử di sản trực tiếp với nghệ nhân, đặc biệt là các Nghệ nhân Ưu tú.

IV. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN (2026 - 2030)

- Dự kiến tổng nhu cầu vốn thực hiện đề án giai đoạn 2026 - 2030 là: **37.600 triệu đồng**.

- Cơ cấu nguồn vốn bao gồm: Ngân sách trung ương, tỉnh, ngân sách xã. Lồng ghép các nguồn vốn các chương trình mục tiêu, các chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề truyền thống, phát triển du lịch cộng đồng... nguồn vốn xã hội hóa, huy động hợp pháp khác.

(Dự kiến dự toán thực hiện kèm theo Đề án bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể quốc gia “Nghề chằm Nón ngựa Phú gia”)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân xã Xuân An

- Là cơ quan trực tiếp tổ chức triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn; xây dựng kế hoạch cụ thể hằng năm và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

- Tổ chức quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề truyền thống; phối hợp thực hiện các hoạt động bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể nghề chằm nón ngựa Phú Gia.

- Chủ trì lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các quy hoạch, dự án đầu tư và tổ chức thực hiện các công trình, hạng mục thuộc Đề án theo quy định.

- Phối hợp với các sở, ngành triển khai các chương trình đào tạo nghề, truyền nghề, nâng cao kỹ năng sản xuất, kinh doanh, du lịch cộng đồng và chuyển đổi số cho người dân.

- Tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo tồn và phát triển làng nghề; xây dựng môi trường du lịch văn minh, thân thiện, an toàn.

- Thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng, môi trường, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy và các lĩnh vực liên quan tại khu vực làng nghề theo quy định.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Hướng dẫn UBND xã Xuân An trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia “Nghề chằm nón ngựa Phú Gia” theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

- Hỗ trợ, hướng dẫn địa phương thực hiện công tác kiểm kê, tư liệu hóa, số hóa di sản; xây dựng các hoạt động truyền dạy nghề, tôn vinh nghề nhân và phát huy giá trị di sản gắn với phát triển du lịch bền vững.

- Hướng dẫn UBND xã Xuân An xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm gắn với làng nghề nón ngựa Phú Gia; nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách du lịch tại cộng đồng.

- Hỗ trợ kết nối, giới thiệu làng nghề nón ngựa Phú Gia với các doanh nghiệp lữ hành, các khu, điểm du lịch trong và ngoài tỉnh để nghiên cứu xây dựng các chương trình, tuyến du lịch phù hợp.

- Hướng dẫn, hỗ trợ địa phương xây dựng các nội dung tuyên truyền, quảng bá hình ảnh làng nghề và sản phẩm du lịch làng nghề trên các kênh xúc tiến, quảng bá du lịch của tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch cộng đồng, kỹ năng đón tiếp khách, thuyết minh giới thiệu di sản, ứng xử văn minh du lịch và các kỹ năng cần thiết khác cho người dân tham gia hoạt động du lịch.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Đề án; định kỳ theo chức năng, nhiệm vụ được giao hướng dẫn, kiểm tra và tổng hợp các khó khăn, vướng mắc thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì hướng dẫn thực hiện các chính sách phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề, làng nghề truyền thống theo quy định.

- Trên cơ sở đề xuất của UBND xã Xuân An, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu trình UBND tỉnh lồng ghép từ Chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030); các dự án, nguồn vốn hỗ trợ khác để triển khai thực hiện Đề án theo quy định.

- Hướng dẫn xây dựng, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hợp tác xã nón ngựa Phú Gia; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và phát triển vùng nguyên liệu phục vụ làng nghề.

- Hướng dẫn thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường làng nghề; phối hợp hướng dẫn xây dựng mô hình làng nghề xanh, sạch, đẹp gắn với phát triển du lịch.

4. Sở Công thương

- Phối hợp hỗ trợ các cơ sở sản xuất, hợp tác xã và hộ dân sản xuất làng nghề đổi mới mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển các sản phẩm quà tặng, sản phẩm lưu niệm phục vụ du lịch.

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường, kết nối cung cầu và xúc tiến thương mại đối với sản phẩm nón ngựa Phú Gia.

- Lồng ghép các chương trình khuyến công để hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến trong một số công đoạn sản xuất để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất.

- Hỗ trợ các cơ sở sản xuất, hợp tác xã tham gia hội chợ, triển lãm, chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh.

- Hướng dẫn phát triển thương mại điện tử, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trên nền tảng số.

5. Sở Tài chính

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo khả năng ngân sách và quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện Đề án theo quy định hiện hành.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Đề án.

6. Sở Xây dựng

Phối hợp tham gia thẩm định các dự án liên quan theo chức năng nhiệm vụ

được giao theo quy định.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

- Hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong bảo tồn và phát triển nghề truyền thống.
- Hướng dẫn xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, truy xuất nguồn gốc và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm nón ngựa Phú Gia.
- Hỗ trợ chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và quảng bá sản phẩm làng nghề.
- Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu số về làng nghề và di sản nghề truyền thống.

8. Hiệp hội Du lịch tỉnh Gia Lai

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kết nối các doanh nghiệp lữ hành khảo sát, xây dựng và khai thác các chương trình du lịch làng nghề.
- Hỗ trợ quảng bá điểm đến, kết nối thị trường khách du lịch trong và ngoài tỉnh.
- Tham gia tư vấn nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch cộng đồng, phát triển các sản phẩm trải nghiệm đặc trưng của làng nghề.

Phụ lục: Nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể quốc gia “Nghề chằm Nón ngựa Phú gia”

STT	Hạng mục	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí			Dự kiến năm thực hiện	Ghi chú
			Ngân sách Tỉnh	Ngân sách địa phương	Vốn khác		
	Tổng nhu cầu vốn (Giai đoạn 2026 – 2030)	37.600	25.300	12.300	0		
1	Lập QHCT khu trung tâm văn hóa làng nghề nón ngựa Phú Gia	150		150	0	2026	Chi đầu tư
2	Đầu tư mới, cải tạo hệ thống đường giao thông kết nối đến làng nghề:						
-	Nâng cấp, mở rộng đường vào làng nghề nón ngựa Phú Gia, xã Xuân An	19.500	13.900	5.600		2026-2028	Chi đầu tư
3	Đầu tư xây dựng Trung tâm văn hoá làng nghề nón ngựa Phú Gia (bảo tàng trưng bày, giới thiệu sản phẩm làng nghề; khu trình diễn nghề truyền thống kết hợp thăm quan, trải nghiệm làng nghề; không gian quảng trường, cây xanh, nhà vệ sinh công cộng, bãi đỗ xe và các hạng mục khác liên quan	15.000	10.500	4.500		2026-2030	Chi đầu tư
4	Sửa chữa nâng cấp nhà trưng bày hiện có do hư hỏng, xuống cấp chuyển đổi thành nhà thờ tổ nghề	1.600		1.600		2026-2027	Chi đầu tư
5	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch làng nghề						

-	<i>Đầu tư 02 vị trí Cổng chào làng nghề</i>	500	250	250	0	2026-2027	Chi đầu tư
-	<i>Hệ thống biển chỉ dẫn</i>	100	50	50	0	2026-2027	Chi thường xuyên
6	Hỗ trợ đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ làm nón	200	200	0		2026-2030	Chi thường xuyên
7	Tổ chức thăm quan, học tập mô hình làng nghề làm nón kết hợp phát triển du lịch	50		50		2027	Chi thường xuyên
8	Sưu tầm hình ảnh, lưu giữ công cụ, trang thiết bị, xây dựng video, clip, tư liệu... để bảo tồn nghề làm nón	100	50	50		2026-2030	Chi thường xuyên
9	Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề làm nón	150	150	0		2026-2030	Chi thường xuyên từ CTMTQG
10	Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá sản phẩm nón ngựa Phú Gia trên phương tiện thông tin đại chúng, xây dựng trang website cho làng nghề	100	50	50		2026-2030	Chi thường xuyên
11	Đào tạo người dân làm du lịch	150	150	0		2026-2030	Chi thường xuyên hoặc CTMTQG